

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/KDTM-ST
Ngày: 28/11/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thu

Ông Đào Duy Chuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 62/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST-DS ngày 27/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V

Địa chỉ: Số 89, H, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT Ngân hàng V.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tất Đ – Chuyên viên xử lý nợ, Ngân hàng V (có mặt).

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 27-29 Đại lộ L, phường S, TP. T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn:

- Ông Trương Văn H, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

- Bà Phạm Thị V, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền của bà V: Anh Trương Quang M, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2023, phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/7/2020, vợ chồng ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V ký với Ngân hàng V hợp đồng tín dụng số: LN2007082548233, số tiền vay là 900.000.000đ, thời hạn vay là 72 tháng. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Hình thức trả nợ: Trả nợ gốc và lãi theo phân kỳ trả nợ mỗi tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày

15/8/2020. Mục đích vay: Bổ sung vốn mở rộng/phát triển kinh doanh vận tải hàng hóa. Lãi xuất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân và được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân là 12,3%/năm, hết thời hạn 01 tháng, lãi xuất vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/01 lần. Lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi xuất chậm trả bằng 150% lãi xuất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi, tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Cùng ngày 17/7/2020, Ngân hàng đã giải ngân cho ông H, bà V số tiền vay là 900.000.000đ. Khoản vay có bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số LN2007082548233 ngày 17/7/2020, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 91,0m², thửa đất số 31^b, tờ bản đồ số 05 (E_48_08_113_a) Bản đồ địa chính xã L, lập năm 1996, có địa chỉ tại Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 468092 ngày 16/12/2008 cho ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V.

Ngoài ra, Ngân hàng V còn cho cá nhân ông Trương Văn H vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh Ngân hàng V NEO với lãi xuất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 20%; Lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi xuất chậm trả bằng 150% lãi xuất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi, tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LD2031700381 ngày 12/11/2020, số tiền vay là 100.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 19/10/2023;

- Hợp đồng tín dụng số LD2120300494 ngày 22/7/2021, số tiền vay là 67.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 15/07/2024;

- Hợp đồng tín dụng số LD2214400597 ngày 24/5/2022, số tiền vay là 58.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 16/5/2025;

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V kể từ ngày 15/02/2023. Ngân hàng V yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà V phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/6/2023, ông H, bà V còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là 687.113.412đ, bao gồm tất cả các khoản nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng: hợp đồng tín dụng số: LN2007082548233 ngày 17/7/2020; hợp đồng tín dụng số: LD2031700381 ngày 12/11/2020; hợp đồng tín dụng số: LD2120300494 ngày 22/7/2021; hợp đồng tín dụng số: LD2214400597 ngày 24/5/2022. Và tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản nợ trên với lãi xuất như các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong trường hợp ông H, bà V không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên bố Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để xử lý, thu hồi nợ toàn bộ công nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của ông H, bà V để đảm bảo thực hiện

nghĩa vụ theo Bản án của Tòa án cho đến khi ông H, bà V hết nghĩa vụ với Ngân hàng Ngân hàng V.

Ngày 27/10/2023, đại diện nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền gốc là 114.572.393 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.805.983 đồng, lãi quá hạn là 7.545.032 đồng, lãi chậm trả là 304.148 đồng, tổng cộng là 129.262.556 đồng – đây là khoản nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: LD2031700381 ngày 12/11/2020; hợp đồng tín dụng số: LD2120300494 ngày 22/7/2021; hợp đồng tín dụng số: LD2214400597 ngày 24/5/2022. Theo đó phía nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số: LN2007082548233 ngày 17/7/2020.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số: LN2007082548233 ngày 17/7/2020, tạm tính đến ngày 28/11/2023 là 605.470.747đ, trong đó: Nợ gốc là 519.232.914đ; Nợ lãi trong hạn là 11.859.047đ; Lãi quá hạn là 67.848.694đ; lãi chậm trả là 6.530.092đ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã về tại địa phương, xác minh từ phía gia đình ông H và địa phương xã Hoàng Sơn về việc có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của ông H, kết quả thể hiện: Ông H đã đi khỏi địa phương từ tháng 4/2021 đến nay, không có liên hệ gì với gia đình. Hiện ông H đang ở đâu, làm gì thì gia đình và địa phương không nắm được. Khi ông H rời khỏi địa phương không khai báo gì với chính quyền địa phương.

Phía bị đơn - bà Phạm Thị V trình bày:

Vợ chồng ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V có ký với Ngân hàng V hợp đồng tín dụng số: LN2007082548233, số tiền vay là 900.000.000đ, mục đích, phương thức, thời hạn vay, thời hạn thanh toán và lãi xuất đúng như Ngân hàng đã trình bày. Khoản vay có bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số LN2007082548233 ngày 17/7/2020, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 91,0m², thửa đất số 31^b, tờ bản đồ số 05 (E_48_08_113_a) Bản đồ địa chính xã L lập năm 1996, có địa chỉ tại Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 02 tầng, diện tích xây dựng là 70,0m², đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 468092 ngày 16/12/2008 cho ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V. Sau khi vay nợ, bà vẫn thực hiện việc trả nợ đúng như cam kết trong hợp đồng với phía Ngân hàng cho đến khi phát hiện toàn bộ số tiền bà nộp vào tài khoản trả nợ cho khoản vay này đã bị Ngân hàng trừ vào khoản vay không có tài sản bảo đảm trên kênh Ngân hàng V NEO mà Ngân hàng đã cho ông H vay nhưng bà không được biết thì bà V đã dừng việc trả nợ cho Ngân hàng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ngân hàng V, bà V đồng ý bà sẽ có nghĩa vụ cùng ông H trả cho Ngân hàng số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020. Đối với tài sản bảo đảm vợ chồng ông H, bà V đã ký thế chấp với Ngân hàng chỉ đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020 nên phía bà V thống nhất: Ngân hàng có quyền yêu cầu

xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ nếu ông H bà V không thanh toán được nợ cho khoản vay này.

Đối với các khoản vay nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: LD2031700381 ngày 12/11/2020; hợp đồng tín dụng số: LD2120300494 ngày 22/7/2021; hợp đồng tín dụng số: LD2214400597 ngày 24/5/2022. Đây là các khoản vay không có tài sản bảo đảm nhằm phục vụ vào mục đích cá nhân của cá nhân ông H, bà V không được biết nên không đồng ý trả nợ cùng ông H.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào nội dung khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, địa chỉ của bị đơn ở tại huyện Hoằng Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hoá theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ngày 26/10/2023, Tòa án đã xác minh việc đăng ký kinh doanh của hộ ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V – bị đơn trong vụ án, xác định thời điểm vay vốn bị đơn có đăng ký kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa, nên đề nghị HĐXX xác định lại đúng quan hệ pháp luật giải quyết vụ án là Tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H và bà V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020. Tuyên bố quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản vay này khi ông H, bà V không thực hiện được việc trả nợ.

- Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với các khoản vay nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: LD2031700381 ngày 12/11/2020; hợp đồng tín dụng số: LD2120300494 ngày 22/7/2021; hợp đồng tín dụng số: LD2214400597 ngày 24/5/2022. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tại thời điểm khởi kiện và giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bị đơn, bị đơn khẳng định không có đăng ký kinh doanh nên Tòa án đã căn cứ **khoản 3 Điều 26** Bộ

luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Theo kết quả xác minh ngày 26/10/2023 tại Phòng Tài chính – Kế hoạch – UBND huyện H xác định: Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, bị đơn đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận kinh doanh số 26V801618 với hình thức hộ kinh doanh và ngành nghề hoạt động phù hợp với mục đích vay vốn, đây là quan hệ tranh chấp mà hai bên có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận nên hội đồng xét xử xác định là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Sự vắng mặt của bị đơn:

Mặc dù đang còn vay nợ Ngân hàng nhưng ông H đã bỏ đi khỏi địa phương, không thông tin với ngân hàng về địa chỉ nơi tạm trú, không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng, đủ cơ sở khẳng định ông H bỏ đi khỏi địa phương là để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Việc ông H không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương và không cho gia đình biết địa chỉ nên thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đồng thời thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án đối với ông H đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, ông H vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 13/10/2023, ông H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa và niêm yết ngay Quyết định hoãn phiên tòa tới ông H đồng thời ấn định thời hạn xét xử lại vụ án như Thông báo, thông tin của Tòa án. Tại phiên tòa ngày 30/10/2023, đại diện nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử lại vụ án và niêm yết ngay đến ông H cũng như tổng đạt đầy đủ đến các đương sự. Tại phiên tòa xét xử lần ba, ông H, bà V và người đại diện theo pháp luật của bà V vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, 228, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung tranh chấp:

[2.1] Về số tiền vay:

[2.1.1]. Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số: LN2007082548233 ngày 17/7/2020.

Ngày 17/7/2020, vợ chồng ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V ký với Ngân hàng V hợp đồng tín dụng số: LN2007082548233, số tiền vay là 900.000.000đ, đây là công nợ chung của vợ chồng ông H bà V nên ông H bà V phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng. Do từ tháng 02/2023, vợ chồng ông H, bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng phân kỳ, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên từ ngày 15/02/2023, toàn bộ khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/10/2023, tổng số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng là 605.470.747đ nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông H bà V phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 30/10/2023 và số tiền lãi phát sinh trên tổng số dư nợ gốc tính từ ngày tiếp theo cho đến khi tất toán khoản nợ như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng này là hoàn toàn có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.1.2]. Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD2031700381 ngày 12/11/2020; hợp đồng tín dụng số: LD2120300494 ngày 22/7/2021; hợp đồng tín dụng số: LD2214400597 ngày 24/5/2022.

Ngày 27/10/2023, Ngân hàng V đã rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: LD2031700381 ngày 12/11/2020; hợp đồng tín dụng số: LD2120300494 ngày 22/7/2021; hợp đồng tín dụng số: LD2214400597 ngày 24/5/2022. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của phía Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện phía nguyên đơn đã rút. Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại các yêu cầu đã rút.

[2.2] Tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm:

[2.2.1]. Tài sản bảo đảm

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số: LN2007082548233 ngày 17/7/2020 có bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số LN2007082548233 ngày 17/7/2020 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lại Văn Th. Hợp đồng thế chấp được các bên xác lập tuân thủ đúng quy định về nội dung, hình thức, chủ thể giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự nên Hợp đồng công chứng là hợp pháp.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 91,0m², thửa đất số 31^b, tờ bản đồ số 05 (E_48_08_113_a) Bản đồ địa chính xã L lập năm 1996, có địa chỉ tại Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 468092 do UBND huyện H cấp ngày 16/12/2008 cho ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V. Sau khi ký kết hợp đồng công chứng, tài sản thế chấp đã được thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/9/2023, tài sản gắn liền với đất hiện là ngôi nhà 03 tầng, diện tích xây dựng: 70m².

[2.2.2]. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 7 của hợp đồng thế chấp tài sản số LN2007082548233 ngày 17/7/2020 “khi xử lý tài sản thế chấp, bên thế chấp cam kết sẽ bàn giao vô điều kiện tài sản thế chấp và mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý”, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp. Trường hợp ông H và bà V không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020 thì Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31^b, tờ bản đồ số 05 (E_48_08_113_a) Bản đồ địa chính xã L lập năm 1996, có địa chỉ tại Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 468092 ngày 16/12/2008 cho ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu không đủ để trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020 thì ông H và bà V còn phải liên

đổi tiếp tục thực hiện nghĩa trả nợ cho Ngân hàng bằng các tài sản khác thuộc sở hữu của ông H, bà V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020.

[3]. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Do ông H cố tình trốn tránh nghĩa vụ với Ngân hàng, đi khỏi nơi cư trú không thông báo lại địa chỉ, thông tin liên lạc cho nguyên đơn nên ông H phải chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông H. Ông H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng V số tiền mà Ngân hàng đã bỏ ra để chi phí cho việc đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.500.000đồng.

[4] Về án phí:

Buộc ông H và bà V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng khoản nợ ông H, bà V phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V.

- Buộc ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V phải liên đới trả cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020 tạm tính đến ngày 28/11/2023 là 605.470.747đ (*Sáu trăm linh năm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bốn bảy đồng*) và toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 29/11/2023 cho đến khi tất toán khoản nợ. Lãi xuất được tính theo Hợp đồng tín dụng số LN2007082548233.

Trường hợp ông H và bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020 thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31^b, tờ bản đồ số 05 (E_48_08_113_a) Bản đồ địa chính xã L, lập năm 1996, có địa chỉ tại Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 468092 ngày 16/12/2008 cho ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V. (*Thực hiện theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2007082548233 ngày 17/7/2020*) để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu không đủ để trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020 thì ông H và bà V còn phải liên đới tiếp tục thực hiện nghĩa trả nợ cho Ngân hàng bằng các tài sản khác thuộc sở

hữu của ông H, bà V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của hợp đồng tín dụng số LN2007082548233 ngày 17/7/2020.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: LD2031700381 ngày 12/11/2020; hợp đồng tín dụng số: LD2120300494 ngày 22/7/2021; hợp đồng tín dụng số: LD2214400597 ngày 24/5/2022.

Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông H phải chịu toàn bộ chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Ông H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng V số tiền mà Ngân hàng đã bỏ ra để chi phí cho việc đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bị đơn – ông Trương Văn H và bà Phạm Thị V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.218.829đ (Hai tám triệu hai trăm mười tám nghìn tám trăm hai chín đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.742.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm bốn hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0011583 ngày 05/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Thị Ngọc Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thư Trịnh Thị Loan

Lê Thị Ngọc Tú